

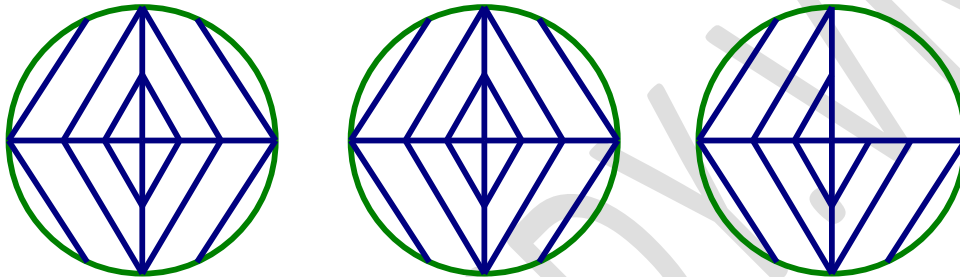
BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TOÁN 5
ÔN TẬP VỀ PHÂN SỐ - HỖN SỐ

Tài liệu lớp học 5VIP1 – 18h – 21h15 – Tối thứ 2 – 23/26 Nguyễn Hồng

Họ và tên:Ngày học:

I. Lí thuyết

- Hỗn số:



Hình vẽ biểu thị 2 cái bánh và $\frac{3}{4}$ cái bánh. Viết gọn: $2\frac{3}{4}$ cái bánh.

$2\frac{3}{4}$ gọi là hỗn số, đọc là hai và ba phần tư.

Như vậy: $2\frac{3}{4} = 2 + \frac{3}{4} = \frac{11}{4}$

Cách đổi từ hỗn số sang phân số

$$a\frac{b}{c} = \frac{c \times a + b}{c}$$

Phần phân số của hỗn số bao giờ cũng bé hơn 1. Khi đọc (hoặc viết) hỗn số ta đọc (hoặc viết) phần nguyên rồi đọc (hoặc viết) phần phân số.

- Các phép tính với hỗn số

+ Khi thực hiện các phép tính với hỗn số, ta chuyển hỗn số thành phân số và thực hiện phép tính như đối với phân số.

+ Với biểu thức chỉ chứa phép cộng – trừ, ta có thể tính riêng giá trị của phần nguyên và phần phân số, sau đó cộng – trừ các kết quả với nhau.

II. Bài tập vận dụng

1. Ôn tập các phép toán với phân số

Câu 1. Tính giá trị biểu thức:

a) $3 \times \left(\frac{1}{7} + \frac{1}{3} - \frac{3}{14} \right) : \frac{11}{14}$

b) $\frac{20}{23} \times \frac{4}{5} + \frac{30}{23} \times \frac{4}{5} - \frac{8}{46} \times \frac{4}{5}$

Câu 2. Tìm x :

a) $\left(\frac{7}{2} - 2 \times x \right) : \frac{3}{14} = \frac{7}{12}$

b) $\frac{23}{8} - \frac{3}{4} \times (x+1) = \frac{7}{4}$

Câu 3. Thực hiện phép tính: $H = \frac{3}{4} \times \frac{8}{9} \times \frac{15}{16} \times \dots \times \frac{120}{121}$

Câu 4. Tính: $B = \frac{15}{16} \times \frac{24}{25} \times \frac{35}{36} \times \dots \times \frac{255}{256}$.

Câu 5. Tính: $B = \frac{1}{5 \times 10} + \frac{1}{10 \times 15} + \frac{1}{15 \times 20} + \dots + \frac{1}{90 \times 95} + \frac{1}{95 \times 100}$

Câu 6. Tính: $A = \frac{4}{2 \times 4} + \frac{4}{4 \times 6} + \frac{4}{6 \times 8} + \dots + \frac{4}{16 \times 18} + \frac{4}{18 \times 20}$.

2. Hỗn số

Câu 7.

a) Em hãy chuyển hỗn số sau thành phân số: $2\frac{1}{3}; 9\frac{5}{7}; 2\frac{4}{5}; 6\frac{1}{4}; 10\frac{3}{5}$

b) Chuyển các phân số sau thành hỗn số: $\frac{15}{7}; \frac{21}{5}; \frac{128}{11}; \frac{65}{4}; \frac{100}{3}$

Câu 8. Tính:

a) $3\frac{1}{5} + 4\frac{3}{5}$

b) $2\frac{1}{5} + 2\frac{1}{4}$

c) $14\frac{2}{5} - 4\frac{2}{5}$

d) $10\frac{2}{3} - 4\frac{4}{5} + 2\frac{1}{5}$

Câu 9. Tính:

a) $3\frac{1}{5} \times 4\frac{3}{5}$

b) $14\frac{2}{5} : 4\frac{2}{5}$

c) $2\frac{2}{3} \times 5\frac{1}{5}$

d) $3\frac{1}{2} : 2\frac{1}{4}$

e) $4\frac{2}{3} \times 1\frac{4}{21} \times 1\frac{14}{25} \times 1\frac{5}{13}$

Câu 10. Tìm x :

a) $x \times 3\frac{2}{3} - 1\frac{2}{3} = 2\frac{1}{3}$

b) $x \times \left(2\frac{1}{2} - \frac{3}{4} \right) = 5\frac{1}{4}$

Câu 11. Tính: $A = 1\frac{1}{2} \times 1\frac{1}{3} \times 1\frac{1}{4} \times \dots \times 1\frac{1}{2020} \times 1\frac{1}{2021}$.

Câu 12. Tính nhanh: $D = 1\frac{7}{9} \times 1\frac{7}{20} \times 1\frac{7}{33} \times \dots \times 1\frac{7}{180}$

3. Tìm giá trị phân số của một số - Tìm một số khi biết giá trị của số đó.

Câu 13. An đọc cuốn sách 324 trong 3 ngày. Ngày thứ nhất đọc được $\frac{1}{3}$ số trang, ngày thứ hai đọc được $\frac{1}{4}$ số trang còn lại. Hỏi ngày thứ ba An phải đọc bao nhiêu trang?

Câu 14. Một lớp học có 36 học sinh gồm ba loại học lực: giỏi, khá và trung bình. Số học sinh trung bình bằng $\frac{1}{9}$ số học sinh cả lớp, số học sinh khá bằng $\frac{5}{8}$ tổng số học sinh khá và giỏi. Tính số học sinh giỏi của lớp đó.

Câu 15. Ba người góp vốn thành lập công ty.

Người thứ nhất góp 60 triệu đồng.

Số tiền người thứ hai góp bằng $\frac{2}{3}$ số tiền của hai người còn lại.

Số tiền người thứ ba góp bằng $\frac{1}{4}$ số tiền của hai người còn lại.

Tính số tiền ba người đã góp.

Câu 16. Ba người cùng mua một tấm vải.

Số vải người thứ nhất mua bằng $\frac{1}{2}$ tổng số vải của hai người còn lại.

Số vải người thứ hai mua bằng $\frac{1}{3}$ tổng số vải của hai người kia.

Người thứ ba mua 25m vải.

a) Tính chiều dài của tấm vải đó.

b) Tính chiều dài tấm vải mỗi người đã mua.

Giáo viên: Nguyễn Thành Long

BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TOÁN 5
HÌNH VUÔNG - HÌNH CHỮ NHẬT (TIẾP)
Tài liệu lớp học 5VIP1 – 18h – 21h15 – Tối thứ 2 – 23/26 Nguyễn Hồng

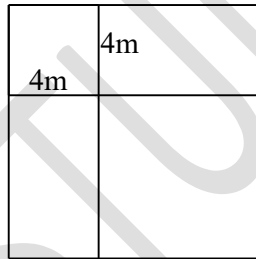
Họ và tên: Ngày học:

Dạng 2. Bài toán tăng – giảm diện tích

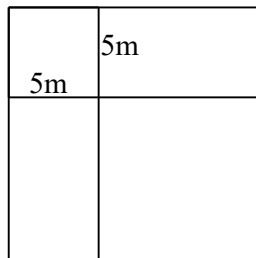
Câu 1. Cho một hình chữ nhật có chu vi là 96cm. Biết nếu tăng chiều dài thêm 5cm thì diện tích hình chữ nhật tăng thêm 90cm^2 . Tính diện tích hình chữ nhật đó.

Câu 2. Cho một hình chữ nhật có chu vi bằng 44cm. Biết nếu giảm chiều rộng đi 6cm thì diện tích hình chữ nhật giảm đi 72cm^2 . Tìm diện tích hình chữ nhật đó.

Câu 3. Tìm diện tích miếng đất hình vuông, biết rằng khi mở rộng mỗi cạnh của miếng đất thêm 4m thì diện tích tăng thêm 224m^2 .



Câu 4. Tìm diện tích miếng đất hình vuông, biết rằng khi mở rộng mỗi cạnh của miếng đất thêm 5m thì diện tích tăng thêm 175m^2 .



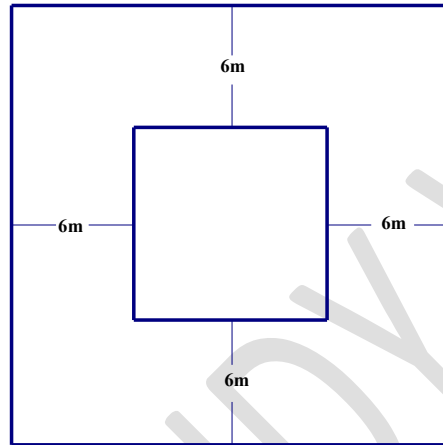
Câu 5. Cho một hình chữ nhật, biết nếu giảm chiều dài, chiều rộng mỗi chiều đi 5cm thì diện tích hình chữ nhật đã cho giảm đi 150cm^2 . Tìm chu vi hình chữ nhật đã cho.

Câu 6. Cho một hình chữ nhật, biết nếu tăng chiều dài, chiều rộng mỗi chiều thêm 4cm thì diện tích hình chữ nhật tăng thêm 100cm^2 . Tính chu vi hình chữ nhật đã cho.

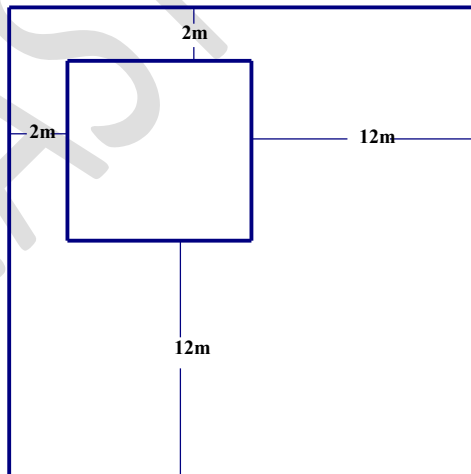
Câu 7. Miếng đất hình chữ nhật có chu vi là 100m, nếu bớt chiều dài đi 5m và tăng chiều rộng thêm 5m thì diện tích mảnh đất tăng 35m^2 . Tính diện tích mảnh đất ban đầu.

Câu 8. Mảnh đất hình chữ nhật có chu vi là 80m, nếu bớt chiều dài đi 5m và tăng chiều rộng thêm 5m thì diện tích mảnh đất tăng 25m^2 . Tính diện tích mảnh đất ban đầu.

Câu 9. Một bãi đất trồng ban đầu cỏ mọc có dạng hình vuông. Sau một thời gian, cỏ lan về bốn phía như hình vẽ. Tính diện tích phần cỏ mọc ban đầu biết diện tích cỏ lan thêm là 336m^2 .



Câu 10. Một bể bơi ban đầu có dạng hình vuông, chủ nhà mở rộng bể bơi về 4 phía như hình vẽ. Biết diện tích phần mở rộng là 336m^2 . Tính diện tích bể bơi ban đầu.



Giáo viên: Trần Tuấn Việt